

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **366/2023/DS-ST**
Ngày: 24 – 7 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Ông Trần Ngọc Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 592/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 591/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và Tầng 2 Toà nhà Sailing Tower, 111A đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Tầng 6 Toà nhà P, 26 đường U, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1984, ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1994, ông Đầu Văn L, sinh năm 2000, bà Chu Thị T, sinh năm 1995; Địa chỉ liên lạc: Tầng 6 Toà nhà P, 26 đường U, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 120975.22 ngày 17/11/2022) (Ông Đầu Văn L có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1970; Địa chỉ: 86/24/2 đường T (số mới 19/6/23 đường H), phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q do ông Lý Xuân T, ông Đào Văn L làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Lê Hoàng T có ký với Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là V) Hợp đồng tín dụng số 2765148.20 ngày 13/8/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9152286.20 ngày 14/8/2020 với nội dung như sau: Số tiền vay và đã giải ngân là 3.900.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Nhận chuyển nhượng bất động sản tại địa chỉ một phần nhà số 168/1A Khu phố 2, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay: 240 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến ngày 14/8/2040, lãi suất vay: 12,7%/năm, lãi suất vay được Ngân hàng chủ động điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,3%/năm. Về phương thức thanh toán hoàn trả tín dụng gốc: hàng tháng ông Tiến có nghĩa vụ thanh toán 16.250.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả lãi: hằng tháng vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/9/2020, trả phí theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ.

Theo Biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua bán/chuyển nhượng bất động sản số 2765148.20/2020/V-Lê Đức Thọ ngày 14/8/2020 để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của ông Tiến, V giải ngân trực tiếp vào tài khoản của bên bán mở tại V hoặc giải ngân và mở sổ tiết kiệm cho bên bán. Số tiền giải ngân là 3.900.000.000 đồng. V tiến hành tạm khóa số tiền V đã giải ngân vào tài khoản của bên bán hoặc tạm khóa toàn bộ tài khoản của bên bán hoặc phong tỏa số tài khoản được mở từ số tiền V đã giải ngân cho bên bán. Thời hạn tạm khóa được V thực hiện từ thời điểm giải ngân đến ngày 14/9/2020. Trường hợp đến thời điểm nêu trên mà thủ tục ký kết Hợp đồng mua bán/chuyển nhượng bất động sản/bảo đảm tiền vay đối với bất động sản chưa được hoàn tất thì V sẽ đồng ý gia hạn thời hạn tạm khóa theo yêu cầu của bên vay/bên mua cho đến một thời gian cụ thể hoặc cho đến khi hoàn tất.

V có quyền thu hồi số tiền đã giải ngân và lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản/số tài khoản (nếu có) của bên bán mà không cần sự cho phép của các bên, khi một trong các sự việc sau xảy ra:

- Hợp đồng mua bán/chuyển nhượng Bất động sản không được hoàn tất vì bất cứ lý do gì;
- Hợp đồng mua bán/chuyển nhượng Bất động sản bị Tòa án tuyên không có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên không thống nhất được việc chuyển nhượng. Cụ thể, do hiện trạng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hết chỗ cập nhật, nên khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu phải đổi sổ nhưng bên bán không đồng ý giao sổ để thực hiện. Các bên không thống nhất được việc thực hiện việc chuyển nhượng nên đã hủy hợp đồng chuyển nhượng đã ký kết.

Theo Mục 5 của Biên bản thoả thuận thanh toán tiền mua bán/chuyển nhượng bất động sản số 2765148.20/2020/V-Lê Đức Thọ ngày 14/8/2020 thì “V có quyền thu hồi số tiền đã giải ngân và lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản/số tài khoản (nếu có) của bên bán mà không cần sự cho phép của các bên, khi một trong các sự việc sau xảy ra: Hợp đồng mua bán/chuyển nhượng Bất động sản không được hoàn tất vì bất cứ lý do gì....”.

Đồng thời, ông T cũng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 25/9/2020, đã vi phạm nội dung thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng 2765148.20 ngày 13/8/2020 nên V đã thu số tiền 16.500.000 đồng và đến ngày 06/10/2020, VIB đã thu hồi số tiền là 3.883.750.000 đồng đều từ tài khoản đã giải ngân. Tổng số tiền nợ gốc V đã thu hồi là 3.900.000.000 đồng..

Từ thời điểm vay vốn đến nay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 3.900.089.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 3.900.000.000 đồng và nợ lãi là 89.000 đồng.

Căn cứ theo Điều 9 của Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, nếu bên vay trả nợ trước hạn (một phần hoặc toàn bộ) khoản vay sẽ chịu phạt trả nợ trước hạn: Trong 06 tháng đầu tiên: $3\% \times$ số tiền trả nợ trước hạn. Theo đó, ngày 14/8/2020 V giải ngân cho ông Tiến, ngày 06/10/2020 V đã thu hồi nợ gốc là trong thời hạn 06 tháng đầu tiên nên ông T phải chịu số tiền phí phạt trả nợ trước hạn là $3.900.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 117.000.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, Ngân hàng đã xem xét giảm 50% số tiền này cho ông T nên số tiền phí phạt trả nợ trước hạn của ông Tiến còn phải thanh toán là 58.500.000 đồng.

Căn cứ theo điểm g khoản 1.4 Điều 1 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng số 2765148.20 ngày 13/8/2020, ông Tiến phải chịu lãi suất chậm trả 10% trên số nợ lãi chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam yêu cầu buộc ông Lê Hoàng T phải thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 24/7/2023 số tiền 152.438.181 đồng, trong đó: Nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi trong hạn là 71.769.079 đồng, nợ lãi chậm trả là 22.169.102 đồng, phí phạt trả nợ trước hạn là 58.500.000 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền mà ông Tiến còn nợ VIB ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2023 theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2765148.20 ngày 13/8/2020 cho đến khi ông Tiến thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho VIB.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho ông Lê Hoàng T nhưng phía bị đơn

không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đào Văn L trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 91 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q: Buộc ông Lê Hoàng T phải trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 24/7/2023 tổng số tiền gốc và lãi là 146.365.633 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Xét đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2021 của nguyên đơn, Hợp đồng tín dụng số 2765148.20 ngày 13/8/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số 9152286.20 ngày 14/8/2020, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do ông Lê Hoàng T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Tiến.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn vẫn không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Xét Hợp đồng tín dụng số 2765148.20 ngày 13/8/2020, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9152286.20 ngày 14/8/2020, Biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua bán/chuyển nhượng bất động sản số 2765148.20/2020/V-Lê Đức Thọ ngày 14/8/2020 và lời khai của đại diện nguyên đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.1] Về yêu cầu ông Lê Hoàng T thanh toán tiền phí phạt trả nợ trước hạn là 58.500.000 đồng

Căn cứ theo Điều 9 của Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, nếu bên vay trả nợ trước hạn (một phần hoặc toàn bộ) khoản vay sẽ chịu phạt trả nợ trước hạn: Trong 06 tháng đầu tiên: $3\% \times$ số tiền trả nợ trước hạn. Thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngày 14/8/2020 V giải ngân cho ông T, ngày 06/10/2020 V đã thu hồi nợ gốc là trong thời hạn 06 tháng đầu tiên nên ông T phải chịu số tiền phí phạt trả nợ trước hạn là $3.900.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 117.000.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, V đã xem xét giảm 50% số tiền này cho ông Tiến nên số tiền phí phạt trả nợ trước hạn của ông T còn phải thanh toán là 58.500.000 đồng. Việc V giảm 50% số tiền này cho ông T là có lợi cho ông T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của V.

[2.2] Về yêu cầu ông T thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 71.769.079 đồng, nợ lãi chậm trả là 22.169.102 đồng.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 2765148.20 ngày 13/8/2020, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9152286.20 ngày 14/8/2020, các bên đương sự có thỏa thuận lãi suất vay: 12,7%/năm, lãi suất vay được Ngân hàng chủ động điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,3%/năm, lãi suất chậm trả bằng 10% tính trên số nợ lãi chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi

nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức lãi suất và lãi suất quá hạn phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, VIB yêu cầu ông T phải trả số tiền lãi trong hạn là 71.769.079 đồng và lãi quá hạn là 22.169.102 đồng có cơ sở được chấp nhận.

[2.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Hội đồng xét xử xét thấy ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, VIB yêu cầu ông T thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Tiến phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 152.438.181 đồng, do đó án phí ông Tiến phải chịu là 7.621.909 đồng.

Hoàn trả cho V toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.473.774 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0035773 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q:

Buộc ông Lê Hoàng T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 152.438.181 đồng (một trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, một trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi trong hạn là 71.769.079 đồng, nợ lãi chậm trả là 22.169.102 đồng, tiền phí phạt trả nợ trước hạn là 58.500.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.621.909 đồng (bảy triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, chín trăm lẻ chín đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.473.774 đồng (ba triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0035773 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Thành)./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương